

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN



**BÀI GIẢNG
MỸ THUẬT ĐẠI CƯƠNG**

(Tài liệu lưu hành nội bộ - Bộ môn Xã hội & Nhân văn)

Hà Nội, 2021

DANH MỤC Chương 1: TỔNG QUAN VỀ MỸ THUẬT

MỤC LỤC

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ MỸ THUẬT	4
1.1. Khái niệm	4
1.2. Nguồn gốc mỹ thuật	5
1.3. Vai trò của mỹ thuật	6
1.4. Những yếu tố tạo hình	7
1.4.1 Đường nét	8
1.4.2 Màu sắc	10
1.4.3 Hình khối	12
1.4.4 Luật xa gần	14
1.4.5 Bố cục	16
1.4.6 Yếu tố trang trí	16
1.5. Đề tài, chất liệu mỹ thuật	21
1.5.1 Đề tài	21
1.5.2. Chất liệu	27

1.6	Mỹ	thuật	ứng
dụng.....			39
1.6.1	Thiết	kế	đồ
họa.....			39
1.6.2	Thiết	kế	tạo
ngành.....			dáng
			công
			42
1.6.3	Thiết	kế	thời
			trang.....
			46
1.6.4	Thiết	kế	nội,
thất.....			ngoại
			48
Câu hỏi – Bài tập.....			49
Chương 2: KHÁT QUÁT LỊCH SỬ MỸ THUẬT.....			50
2.1. Mỹ thuật thế giới.....			50
2.1.1	Mỹ	thuật	thời
đại.....			cổ
			50
2.1.2	Mỹ	thuật	Phục
hưng.....			58
2.1.3	Mỹ thuật châu Âu thế kỉ XVII, XVIII, XIX, XX và XXI.....		63
2.1.4	Mỹ thuật châu Á.....		75
2.2	Mỹ thuật Việt Nam.....		82
2.2.1	Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ nguyên thủy và thời đại dựng nước.....		82
2.2.2	Mỹ thuật thời kỳ phong kiến độc lập dân tộc.....		85
2.2.3	Mỹ thuật Việt Nam từ 1945 đến nay.....		98

2.2.4 Tranh dân gian.....	102
Câu hỏi.....	105
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÁC PHẨM.....	107
3.1 Những yếu tố cơ bản trong phân tích tác phẩm mỹ thuật.....	107
3.2. Phân tích tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu.....	109
3.2.1 Phân tích, giới thiệu tác phẩm điêu khắc “Phú Lợi cầm thù” của nhà điêu khắc Diệp Minh Châu.....	109
3.2.2 Phân tích tác phẩm “Ma-rat bị ám sát” của Đa-vít.....	112
3.3 Phân tích tác phẩm ngành nghề.....	113
Bài tập.....	115
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	116

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ MỸ THUẬT

MỤC TIÊU

- Hiểu được nguồn gốc, khái niệm, vai trò của mỹ thuật
- Biết được các yếu tố tạo hình mỹ thuật thông qua việc phân tích một số tác phẩm Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa
- Nắm vững khái niệm, phân biệt được các đề tài và chất liệu vẽ tranh
- Biết đặc điểm của từng đề tài và chất liệu vẽ tranh
- Hiểu được lịch sử phát triển của các đề tài và chất liệu
- Nắm được các lĩnh vực của mỹ thuật ứng dụng và vai trò của mỹ thuật ứng dụng trong đời sống xã hội của con người

- Hiểu được khái niệm, lịch sử hình thành và đặc điểm của từng lĩnh vực của mỹ thuật ứng dụng

1.1. Khái niệm

Nghệ thuật là một danh từ để chỉ các loại hình như: Hội họa, Âm nhạc, Điện Ảnh, Sân khấu, Nhiếp ảnh... Đó là một hình thái đặc biệt của ý thức xã hội. Nghệ thuật có chức năng nhận thức và phản ánh thế giới khách quan theo một lăng kính nhất định, đồng thời nó cũng đóng một vai trò quan trọng để tái tạo thế giới đó. Nghệ thuật bắt nguồn từ lao động, do đó luôn gắn liền với cuộc sống. Âm nhạc xuất phát từ những câu hò khi cần tập trung sức của nhiều người cho một việc cụ thể nào đó. Điệu múa nảy sinh từ nhịp điệu của những công việc hàng ngày như đập lúa, giã gạo... Tranh trên vách, trần các hang động nảy sinh từ những quan sát tự nhiên và cuộc sống cùng nhu cầu truyền bá kinh nghiệm khi săn bắn thú vật, chim muông cho các thế hệ sau. Điêu khắc bắt đầu từ kỹ năng làm công cụ lao động... Trong quá trình lao động và phát triển, con người biến cái nặng nhọc gian khổ thành trò chơi, luôn cải hóa những giao tiếp hàng ngày thành những hình thái cụ thể để nhận biết, để trao đổi và dễ nhớ... Điều đó chính là khởi nguồn cũng như là bản chất đầu tiên của nghệ thuật. Con người cảm nhận được các loại hình nghệ thuật bằng ngũ quan của mình. Mặt khác, mỗi loại hình nghệ thuật phản ánh cuộc sống bằng một hệ thống ngôn ngữ riêng biệt và đến với con người bằng những con đường khác nhau. Tuy vậy cũng có nhiều loại hình nghệ thuật có cùng chung một ngôn ngữ biểu hiện và một “cửa ngõ” để đến với nội tâm tình cảm con người. Đó là các môn nghệ thuật đến với con người thông qua “cửa ngõ” thị giác và cùng chung một hệ thống ngôn ngữ là đường nét, hình khối, màu sắc... như: Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Đồ họa... Các loại hình nghệ thuật đó được gọi bằng một cái tên chung là nghệ thuật tạo hình, hay còn được quen gọi là Mỹ thuật.

Ta có thể khái niệm chung nhất về Mỹ thuật như sau: Mỹ thuật là từ chỉ những loại hình nghệ thuật có quan hệ đến sự thụ cảm bằng mắt và sự tạo thành các hình tượng lấy từ thế giới vật chất bên ngoài để đưa lên mặt phẳng hoặc một không gian nào đấy. Mặt phẳng đó có thể là gỗ, giấy, vải, tường, trần nhà. Không

gian có khi là ngoài trời, có khi là trong một căn phòng... Ngôn ngữ mỹ thuật bao gồm các yếu tố như hình – khối; đường – nét; màu – sắc; sự sắp xếp bố cục, nhịp điệu...

Tuy vậy, ở mỗi loại hình cụ thể như Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa sẽ có cách biểu hiện khác nhau. Điều này tùy thuộc vào đặc trưng ngôn ngữ của từng loại hình nghệ thuật.

1.2. Nguồn gốc mỹ thuật

Những con người đầu tiên xuất hiện được tiến hóa từ những giống vượn người. Quá trình tiến hóa đó diễn ra rất chậm, trải qua hàng triệu năm. Họ có những ưu thế như là bộ não lớn, đôi tay khỏe và khéo léo. Đặc biệt, họ có thể đứng thẳng. Khoảng một triệu năm trước đây con người đã đứng thẳng, thoát khỏi thế giới động vật. Hình thức sơ khai nhất của xã hội loài người được hình thành, đó là xã hội cộng sản nguyên thủy. Công cụ lao động của các cư dân đầu tiên này đều được làm từ đá. Vì vậy, theo khảo cổ học thời kỳ này được gọi là thời kỳ đồ đá, gồm ba giai đoạn: đồ đá cũ, đồ đá giữa và đồ đá mới. Ở thời kỳ đồ đá cũ con người sống bằng săn bắt và đánh cá. Họ biết chế tạo công cụ lao động. Trải qua một thời gian dài với người Cơ-rô-ma-nông, dấu hiệu về sự làm đẹp đã xuất hiện. Họ chú ý tới cách ăn mặc, trang trí vách hang bằng các hình vẽ thú vật và họ còn làm những bức tượng nhỏ bằng nhiều chất liệu như xương, ngà... Tộc người này sống vào cuối thời kỳ đồ đá cũ. Phải chăng đây là lúc nghệ thuật tạo hình xuất hiện và một đời sống thẩm mỹ đã dần được hình thành? Không ai có thể khẳng định một cách chắc chắn nghệ thuật tạo hình bắt đầu ra sao và từ bao giờ. Tuy vậy, căn cứ trên các hình vẽ tìm thấy ở một số hang động như An-ta-mi-ra (Tây Ban Nha), Lát-xcô (Pháp), một số bức tượng phụ nữ đã được xác định niên đại có thể cho ta hình dung về sự ra đời của nghệ thuật tạo hình trong đời sống nguyên thủy.

Cách chúng ta hơn 5000 năm trước đây, con người mới phát hiện ra chữ viết, lúc đầu chỉ là những hình vẽ tượng trưng, những kí hiệu để trao đổi. Dần dần các chữ tượng hình xuất hiện. Như vậy thì từ “Nghệ thuật tạo hình” hay “Mỹ

thuật” như ta thấy ngày nay xuất hiện sau những hình vẽ trên vách hang động thời tiền sử rất nhiều. Những hình vẽ đó gắn với cuộc sống, với các đồ vật sinh hoạt của con người. Về một mặt nào đó, trong tư duy nguyên thủy việc vẽ hình cũng giống như việc săn bắt hay các công việc khác. Nó không chỉ mang ý nghĩa nghệ thuật mà còn gắn với cái có ích. Ngoài ra, nghệ thuật tạo hình lúc này còn gắn với những tín ngưỡng, ma thuật. Theo E.H.Gom-brich, tác giả cuốn *Câu chuyện nghệ thuật* thì “Tranh và tượng được họ dùng để thực hành pháp thuật”. “Những người thợ săn thời kỳ này nghĩ rằng chỉ cần vẽ hình con mồi và có lẽ tấn công chúng bằng giáo mác hay rìu đá, những con thú thật sẽ khuất phục sức mạnh của họ”. Tất nhiên đây là sự phỏng đoán của con người ngày nay khi nghiên cứu về ý nghĩa của các bức tranh thời nguyên thủy.

Ngoài ra, các hình vẽ còn có ý nghĩa như những thông tin nhắn gửi cho các thế hệ sau về cuộc sống, sinh hoạt của con người thời tiền sử. Ví dụ qua các hình vẽ thú vật như bò rừng, ngựa, voi ma mút... cho chúng ta biết về các động vật thời nguyên thủy. Ở bức tranh khác ta được chứng kiến cảnh đánh cá, cách quăng lưới, cách sử dụng các con cá mồi lớn. Thậm chí con người thời kỳ đó vẽ chỉ để giải trí.

1.3. Vai trò của mỹ thuật

Mỹ thuật là một loại hình nghệ thuật phản ánh hiện thực khách quan bằng những hình tượng có sức biểu cảm của đường nét, màu sắc, hình khối... Bởi vậy, người sáng tác luôn gửi gắm những hiện thực cuộc sống, những ước vọng vào trong các tác phẩm. Mỹ thuật được biết đến và giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, đời sống xã hội của con người, đặc biệt trong xã hội ngày càng phát triển như hiện nay. Bên cạnh vai trò giải trí, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục đạo đức, mỹ thuật ứng dụng là một trong những ngành nghề quan trọng góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước và rất cần thiết để góp phần trang bị một cách cơ bản, toàn diện cho con người. Mỹ thuật ứng dụng có vai trò: Thiết kế kiểu dáng sản phẩm - thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế hàng hóa - tạo dựng nền văn hóa thẩm mỹ và nhận thức xã hội - tạo dựng bản sắc thương hiệu dân tộc.

1.4. Những yếu tố tạo hình

Yếu tố tạo hình trong mỹ thuật bao gồm các yếu tố: đường nét, màu sắc, hình khối, luật xa gần, bố cục và yếu tố trang trí. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu các yếu tố này qua ba loại hình nghệ thuật: Hội họa, Điêu khắc và Đồ họa.

Vậy trước hết cần phải hiểu Hội họa, Điêu khắc, Đồ họa là gì?

Hội họa là loại hình nghệ thuật tạo hình đặc trưng bởi sự biểu hiện không gian trên bề mặt, đó là một không gian ảo, chỉ có thể cảm nhận được bằng thị giác, với các yếu tố như: đường nét, màu sắc, hình thái, đậm nhạt, bố cục... để xây dựng hình tượng nghệ thuật, biểu đạt cuộc sống thực tế đa dạng và phong phú, mang lại xúc cảm thẩm mỹ cho người xem. Người ta gọi đó là bức tranh hay tác phẩm hội họa.

Điêu khắc là một loại hình nghệ thuật sử dụng các chất liệu như gỗ, đá, đồng, đất, thạch cao... để tạo nên các tác phẩm nghệ thuật tồn tại và chiếm chỗ trong không gian thực bằng cách tạc, đục, gò, nặn... Nói một cách đơn giản hơn, nghệ thuật điêu khắc tạo hình bằng cách phối hợp các hình khối trong không gian, qua đó nhà điêu khắc biểu hiện các ý tưởng nghệ thuật của mình.

Đồ họa là một trong những loại hình nghệ thuật xuất hiện từ lâu đời nhất. Nếu như ta bắt gặp hình vẽ hội họa trong các hang động từ khi con người biết làm đẹp cho cuộc sống của mình, thì đồ họa dường như cũng xuất hiện đồng thời. Ở nước ta, ngay từ thời xa xưa, tranh khắc gỗ dân gian đã gắn bó với cuộc sống của người lao động. Nó là tiếng nói về những ước mơ, nguyện vọng, là vũ khí đấu tranh chống áp bức, bóc lột, là tiếng nói phê phán thói hư tật xấu của đồng loại... Khả năng nhân bản (sản xuất hàng loạt) là thế mạnh của đồ họa, bởi vậy nó giúp đắc lực cho các ngành thông tin, tuyên truyền, cổ động, quảng cáo, trong sáng tác in ấn xuất bản sách báo, trong phác thảo, tái tạo các tác phẩm hội họa, điêu khắc và giúp ích cho các ngành nghệ thuật khác.

1.4.1 Đường nét

Trong định nghĩa khoa học thì “đường là tập hợp của nhiều điểm trong chuyển động”. Trong tạo hình, đường nét là yếu tố ổn định nhất, nó là yếu tố cơ bản để tạo ra hình thể.

Có nhiều loại đường và nét, ví dụ như: đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc, đường tròn, đường xoắn ốc...; nét đanh, nét thô, nét vung vẩy, nét chân thực, nét bay bướm, nét đóng, nét mở, nét trơn, nét gai... Đường và nét được nghệ sĩ sử dụng trong một tổ hợp. Sự sắp đặt đó nhằm đạt được mục đích tác động vào cảm giác của người xem và gây một hiệu quả nào đó về thẩm mỹ. Người ta có thể dùng đường nét để mô tả hình dạng cấu trúc, trạng thái của con người, sự vật, thiên nhiên, từ đó truyền cảm trực tiếp đến tình cảm của con người qua thị giác.

Trong Hội họa, đường và nét luôn đi đôi với nhau, khi vẽ một vật thể, một con người, người ta sử dụng đường và nét để diễn tả. Đường nét Hội họa bao gồm các đặc điểm cơ bản sau:

Đường thẳng đứng và đường nằm ngang

Phương thẳng đứng là phương hướng vào tâm trái đất, phương của trọng lực. Phương nằm ngang là phương thẳng góc với phương thẳng đứng. Loại đường này thường cho ta cảm giác ngay ngắn, uy nghiêm và vững chãi. Trong hội họa, để tạo ra thể vững chãi, người ta dùng những cặp đường thẳng góc với nhau, đặt song song với hai cạnh của bức tranh để tạo ra thể vững vàng và ổn định.

Đường xiên

Trong hội họa, bên cạnh những đường thẳng đứng hoặc nằm ngang, các họa sĩ còn phối hợp với những đường xiên, nghiêng để tạo ra nhiều cảm giác khác nhau. Những đường xiên này luôn gây cho ta cảm giác động và không ổn định.

Đường cong

Đường cong trong hội họa rất đa dạng, thực chất là sự tiếp nối của rất nhiều đoạn thẳng không đồng hướng và hợp thành góc tù, do vậy không thể dựng bằng compa. Đường cong thẩm mỹ không phải là những cung tròn, mà hình thành bởi sự phối hợp nhiều đường thẳng dài ngắn không đều, nhưng liên tục.

Nét

Trong hội họa, nét còn được thể hiện là đường bao quanh của một khối. Những nét được tái hiện trên mặt phẳng giúp ta liên tưởng đến một vật, một đối tượng nào đó. Đường luôn gắn với phương và hướng, còn nét thì mang một sức biểu hiện, nhận dạng rõ ràng. Trong hội họa, nét mang tính tương phản dễ dàng tác động đến cảm giác của chúng ta: nét đan và nét xộp là hai loại nét tương phản về thể chất; nét thô, nét tinh là tương phản về kỹ thuật biểu hiện; nét ngay ngắn, nét vung vẩy biểu hiện về bản chất; nét chân thực, nét bay bướm biểu hiện về tính cách...

Đường nét trong hội họa là những đường nét trong tranh. Còn đặc trưng của điêu khắc là khối, ở các tác phẩm điêu khắc, người nghệ sĩ cũng khai thác yếu tố đường nét từ những góc độ khác nhau. Ở đây sự kết hợp giữa các khối hình cũng đồng nghĩa với việc tạo nên đường nét cho tác phẩm. Trong điêu khắc thời Lí, từ tượng tròn đến phù điêu, các nghệ nhân thiên về sử dụng đường cong, nét uốn lượn mềm mại, uyển chuyển nhịp nhàng và hầu như không xuất hiện đường thẳng, nét thẳng. Sang thời Trần, đường nét đã có sự thay đổi, nhiều nét thẳng dứt khoát, thưa thoáng hơn đã được đưa vào kết hợp với những nét cong mềm truyền thống. Điều này làm cho tượng và phù điêu của thời Trần có vẻ đẹp mạnh mẽ và tự nhiên hơn.

Cũng như trong hội họa, đường, nét, chấm, vạch trong đồ họa cũng là ngôn ngữ chính, chủ yếu và cơ bản để thể hiện. Nét trong đồ họa không hoàn toàn là nét vẽ, mà có khi còn là những nhát khắc, những nét vạch, nét chấm to nhỏ, nông sâu, mau thưa... để dựng lên hình tượng. Tranh đồ họa là loại tranh được tạo ra gián tiếp từ bản khắc. Việc tạo dựng nét từ bút lông sẽ không giống với cách tạo đường nét từ những kỹ thuật đồ họa như khắc hoặc ăn mòn kim

loại... Trong kĩ thuật đó, muốn tạo đậm nhạt, khối... nét đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh nét, các tác giả còn sử dụng yếu tố tạo hình khác như những chấm, vạch...

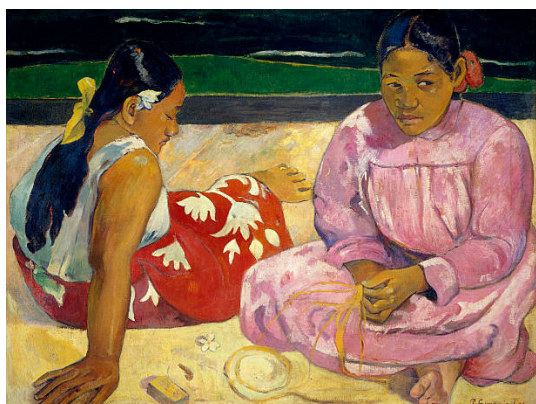
1.4.2 Màu sắc

Trong hội họa, đường nét và màu sắc là những yếu tố tạo hình gắn liền với thị giác con người. Chính hai ngôn ngữ này đã tạo nên đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ hội họa. Bởi vì đường nét là nét bao của hình khối và trong màu sắc bao hàm cả sắc độ đậm nhạt. Người họa sĩ thường lấy màu sắc làm yếu tố cơ bản để gửi gắm tâm tư tình cảm của mình đến người xem. Chính màu sắc mang lại cho người xem sự hứng khởi, niềm vui thích, lạc quan, yêu đời, sự yên tĩnh, cảm giác thư thái, bình yên; và cũng chính màu sắc có thể mang đến cho người xem cảm giác ngọt ngào, sợ hãi, cảm giác buồn bã, lạnh lẽo, cô đơn, chán nản.

Màu sắc có nguồn gốc tự nhiên và cũng chứa trong mình ý nghĩa xã hội. Ví dụ như màu đỏ giống màu lửa gây cảm giác nóng, đó là màu đấu tranh, màu cờ, màu máu... khiến người ta liên tưởng đến cảm giác nồng cháy mạnh mẽ. Màu xanh là màu của bầu trời trong sáng, của cây lá, của biển cả, cho ta cảm giác hòa bình, hạnh phúc, đó là màu của bình yên và tình yêu. Màu vàng là màu của lúa chín, màu của nắng, cho ta cái cảm giác đầy đủ, no ấm. Màu nâu của đất lại cho ta cảm giác chân thành, bình dị... Theo phân tích vật lí thì ánh sáng trắng chính là sự tổng hợp của bảy màu: đỏ, da cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Trong 7 màu này có 3 màu là màu nguyên được tạo nên mà không có sự pha trộn, đó là đỏ, vàng và lam (3 màu gốc), còn các màu khác là do sự pha trộn giữa hai màu mà có.

Trong một bức tranh, màu sắc là do sự pha trộn của nhiều màu, chúng vô cùng phong phú và sinh động. Để dễ nhận biết chúng và chủ động tạo ra gam màu chủ đạo cho bức tranh, người ta thường dựa vào tính chất, đặc điểm của chúng mà phân ra màu nóng và màu lạnh. Màu nóng là màu gần với màu lửa, tạo cảm giác ấm áp, sôi nổi. Ví dụ như đỏ, vàng, cam... Màu lạnh là những màu gần với màu nước, như: lam, xanh lục...

Trong lịch sử mỹ thuật thế giới, chúng ta thấy có những họa sĩ ưa dùng màu nóng như Pôn Gô-ganh (Paul Gauguin). Vùng đảo Thái Bình Dương với những khung cảnh nguyên thủy đầy gió và nắng đã được thể hiện trong những bức tranh tràn trề màu đỏ, vàng của ông làm cho ta cảm giác mỗi bức tranh là một biểu tượng sinh động về cuộc sống đang tràn đầy bình yên, hạnh phúc.



Hai cô gái bên bờ biển



Đảo Tahiti

Tranh trong “thời kỳ màu lam” của Pi-cát-xô (Picasso) phần lớn diễn tả những con người có số phận thấp hèn, nghèo khổ. Toàn bộ tác phẩm được ông phủ lên một màu xanh lam lạnh lẽo, u ám; những nhân vật gầy yếu, bệnh tật, đầy vẻ mệt mỏi, chán chường... cho ta một cảm giác nặng nề và thương cảm vì số phận con người. Màu sắc đã giúp cho các họa sĩ gửi gắm tình cảm, suy nghĩ của mình đến người xem.

Trong đồ họa song song với đường nét, chấm, vạch, đồ họa còn dùng mảng, màu. Các mảng trong đồ họa có khi do đường nét bao quanh mà thành, có khi mảng do tập hợp của nhiều chấm, nhiều nét tạo nên. Mảng tạo cho hình tượng sự vững chãi, tạo nên độ đậm nhạt, khả năng diễn tả nông nghiệp sâu, khả năng tạo khối... Đồ họa đen trắng hay đơn màu được coi là đặc điểm cơ bản của đồ họa, song đồ họa có thể dùng màu, mà có thể dùng nhiều màu. Màu sắc có tác

dụng làm nên tiếng nói mạnh mẽ ở một số thể loại đồ họa như đồ họa giá vẽ hay đồ họa sách báo.

Trong tranh áp phích hay tranh cổ động, yếu tố hình họa, màu sắc và chữ là những yếu tố hết sức quan trọng. Nếu yêu cầu về hình họa là diễn hình, dứt khoát, khỏe khắn thì màu sắc là phải rõ ràng, mạnh mẽ, trong sáng và gợi cảm.

Không giống với tranh áp phích, tranh khắc gỗ màu “Gội đầu” của họa sĩ Trần Văn Cẩn lại chỉ dùng những mảng màu thật đơn giản. Với sự giản đơn và tinh tế đó, họa sĩ cho người xem thấy hết được vẻ đẹp đầy đủ, nồn nà, mềm mại và duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam.

1.4.3 Hình khối

Hình khối trong hội họa

Đối với cảm thụ của thị giác thì hình khối chính là do đường nét và đậm nhạt tạo thành dưới tác động của ánh sáng. Bởi vậy, họa sĩ thường dùng đường nét, mảng đậm nhạt để tạo ra hình thể trên mặt phẳng tranh. Một vật thể luôn có một hình dáng nhất và chiếm một khoảng không gian trong tranh. Như vậy, hình là đường viền của khối do đường nét tạo thành, còn khối là yếu tố ảo do đậm nhạt tạo ra và được thị giác chấp nhận.

Đối tượng chủ yếu của hội họa là con người và thiên nhiên. Nhưng vẽ không phải là sao chép một cách máy móc những gì mắt nhìn thấy, bê nguyên si thực tế vào tranh, mà tùy theo thế giới quan của người vẽ, sự vật và con người được chất lọc đến mức diễn hình. Những diễn hình ấy được người vẽ gửi gắm, suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm của mình. Vì vậy mỗi tác giả có một cách tạo hình riêng.

Nếu chủ nghĩa cổ điển tìm cách diễn tả một cách chính xác thế giới tự nhiên, tôn trọng hình dáng chân thực của sự vật thì các họa sĩ Ấn tượng xuất hiện cuối thế kỉ XIX thiên về cảm xúc thực, vụt đến, vụt đi trước thiên nhiên, họ coi cảm xúc trực tiếp mới là cái cần thiết. Sang đến thế kỉ XX, các họa sĩ Siêu thực

đắm mình trong thế giới của những giấc mơ và cái đẹp. Trật tự hình khối, cấu trúc trong tự nhiên không được giữ nguyên mẫu. Các họa sĩ sắp xếp lại theo một trật tự khác, biểu hiện ý tưởng, ý đồ sáng tạo và cảm xúc của họ, hình và khối trở nên xa lạ với đời sống thực... Hoặc ở chủ nghĩa Lập thể xuất hiện năm 1907, mọi hình khối có thực, phù hợp với thói quen thị giác không còn được các họa sĩ coi trọng. thay vào đó là thực thể hình cầu, hình trụ, hình nón. Quan niệm về cách diễn tả hình khối trải qua nhiều cuộc thăng trầm trong những diễn biến của thời đại dẫn đến sự thay đổi trong cách biểu đạt của các họa sĩ. Đó cũng chính là nguyên nhân đưa đến sự đa dạng và phong phú của các trường phái hiện đại sau này.

Khối hình trong điêu khắc

Trong hình học có một số hình cơ bản như: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật. Nếu ta đem phối hợp nhiều hình cùng loại hoặc khác loại với nhau sẽ tạo ra khối. Ví dụ: phối hợp 6 hình vuông bằng nhau sẽ tạo ra khối lập phương, 4 hình tam giác đều tạo nên khối tam giác đều... Từ các hình cơ bản sẽ dẫn đến các khối cơ bản như khối lập phương, khối tam giác đều, khối cầu, khối chữ nhật. Tuy nhiên, còn có những khối được tạo nên bởi sự phối hợp hai loại hình cơ bản như khối chóp (tam giác + hình tròn), khối trụ (hình tròn + hình chữ nhật), khối tháp (hình tam giác + hình vuông). Ngoài ra còn có nhiều loại khối biến thể tồn tại trong thực tế và trong nghệ thuật. Tất cả mọi vật thể, kể cả hình tượng con người đều được tạo nên bởi sự biến dạng, thay đổi của các khối cơ bản. Nếu tách riêng từng phần, hình thể con người là sự phối hợp của rất nhiều khối. Đó là sự phối hợp hài hòa, cân đối và thống nhất để tạo ra một cơ thể sống sinh động. Sự vận động của khối trong không gian đã tạo ra một hiện thực phong phú. Đó là đối tượng để nghệ thuật điêu khắc theo đuổi và biểu hiện. Trong nghệ thuật ta thường thấy sự biểu hiện của điêu khắc ở các dạng khối như: khối lồi – khối lõm, khối đóng – khối mở, khối mềm – khối cứng, khối tĩnh – khối động... Mỗi cách tạo khối đưa lại cảm giác khác nhau: khối lõm, mềm, mở dễ gây cảm giác động và ngược lại.

Trong sáng tác điêu khắc, trải qua thời gian, có nhiều cách biểu hiện khác nhau về khối và hình. Trong điêu khắc cổ, các tác giả thường chú ý đến cách tạo hình giống thực, do đó thường biểu hiện hình tượng điêu khắc bằng khối tròn, chắc và đóng kín. Cách sử dụng khối kiểu này đã tạo ra các tác phẩm điêu khắc mang tính hiện thực. Quan niệm về khối điêu khắc là khối lồi, khối tròn và đóng kín tồn tại đến tận thế kỉ XIX. Sang thế kỉ XX, với những trào lưu nghệ thuật hiện đại, các nhà điêu khắc cũng tìm cho tác phẩm của mình những cách biểu hiện khối mới: khối lõm, những biến dạng của khối tròn, hệ thống khối mở tạo nên một chân dung mới và đa dạng.

1.4.4 Luật xa gần

Theo Từ điển Mỹ thuật phổ thông của Đặng Bích ngân (2002), Luật xa gần là tập hợp những phương pháp biểu hiện không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều bằng các yếu tố tạo hình như đường nét, tỉ lệ, sắc độ... nhằm giải thích và trình bày diễn biến sự vật, hình thể đang tồn tại trong không gian từ gần đến xa theo quy luật của mắt nhìn. Luật xa gần còn được dùng với nhiều tên gọi khác như: luật viễn cận, luật phối cảnh, phép thấu thị. Trong quá trình sáng tạo, người ta đã tạo ra nhiều cách diễn tả xa gần, nhiều phương pháp linh hoạt sinh động như xa gần đường nét, chỉ dùng đường nét để diễn tả xa gần; xa gần không gian, dùng đậm nhạt và màu sắc để diễn tả; xa gần “tàu mã”, không dùng các phương pháp khoa học mà dùng cách ước lệ gây cảm giác xa gần, thuận mắt...

Luật xa gần có vai trò rất lớn trong học tập và sáng tác mỹ thuật, luật xa gần giúp cho người họa sĩ có khả năng tập hợp các tài liệu đã ghi chép từ thực tế để hư cấu thành những bố cục. Nó cũng tạo điều kiện cho họ nhận thức đúng về không gian tạo hình, nắm vững tỷ lệ, diễn biến các vật thể trong không gian chiều sâu. Mặt khác, hiểu rõ cơ chế của luật xa gần, con mắt nhận xét càng nhạy bén hơn. Thậm chí, đôi khi người họa sĩ không cần quan sát ở thực tế mà vẫn có thể vẽ đúng được trong bức tranh của mình.

Danh họa thế giới Lê-ô-na đờ Vanh-xi (Leonard da Vinci), người viết nên cuốn Luật thấu thị, đã vận dụng nó vào hội họa và làm cho các tác phẩm của ông

lừng danh như mốc son chói lọi của nền hội họa thời kỳ Phục hưng. Và đặc biệt, ảnh hưởng của Luật thấu thị to lớn đến nỗi nó được áp dụng rộng rãi và thành công với nhiều họa sĩ ở các thời kỳ hội họa khác nhau như: Vơ-ri đơ (Veronese), Bơ-ru-ê-gen (Bruegel), Răm-brăng (Rembrandt), Mi-lê (Millet)...



Bữa ăn cuối cùng của chúa Giê-su. Tranh vẽ của Lê-ô-na đờ Vanh-xi



Tháp Babel. Tranh Bơ-ru-ê-gen

Những người mót lúa. Tranh Mi-lê



*Tuần tra đêm. Tranh của Răm-brăng
của Vơ-rì-dơ*

Tiệc cưới ở CANA. Tranh

1.4.5 Bố cục

Như đã nói ở trên, các yếu tố ngôn ngữ cơ bản của hội họa bao gồm: đường nét, hình khối và màu sắc, song không thể căn cứ vào các đặc trưng ngôn ngữ đó để định giá trị một tác phẩm. Mặt khác, ngôn ngữ nghệ thuật chưa phải là hình thức nghệ thuật, ngôn ngữ đó chỉ trở thành hình thức nghệ thuật khi nào nó được sắp đặt trong một bức tranh nhằm mục đích phản ánh một nội dung cụ thể nào đó. Như vậy tùy theo nội dung chủ đề, các yếu tố ngôn ngữ hội họa được người họa sĩ bố trí, sắp đặt sao cho phù hợp để tạo ra tác phẩm, đó chính là bố cục. Nhờ sự sắp xếp ấy mà mặt phẳng giấy trở thành tranh. Bố cục cũng có nhiều cách biểu hiện. Trong nghệ thuật tạo hình cổ đại Ai Cập, khi vẽ tranh lên tường, các nghệ sĩ Ai Cập thường bố cục các phần vật theo kiểu dàn đều trên bề mặt tranh hoặc theo tầng lớp. Tất cả đều được thể hiện rõ ràng, sinh động. Thời kỳ Phục hưng, người ta lại thích những bố cục theo kiểu cân đối, chặt chẽ. Các hình tượng trong tranh được sắp xếp trong các hình cơ bản, đặc biệt là hình tam giác, tạo vẻ chắc chắn. Ngày nay, trong quá trình phát triển, các họa sĩ đã sáng tạo và có nhiều cách bố cục tự do, đa dạng và rất phong phú.

1.4.6 Yếu tố trang trí

Một trong những yếu tố được các họa sĩ sử dụng nhiều trong sáng tác hội họa, đồ họa là yếu tố trang trí. Sự xuất hiện trên bề mặt tranh yếu tố trang trí đã đem lại hiệu quả tạo hình và hấp dẫn thị giác. Trong sáng tác hội họa, đồ họa nhiều họa sĩ đã sử dụng, khai thác hợp lý, hiệu quả các yếu tố trang trí để tăng sức hấp dẫn và hiệu quả tạo hình cho tác phẩm. Sự pha trộn giữa hội họa hay đồ họa với trang trí được các họa sĩ và người thưởng thức ví như một món ăn ngon được điểm thêm gia vị tinh tế bởi bàn tay người đầu bếp giỏi.

Bức tranh muốn đi được vào lòng người thì phải vượt qua cửa ải đầu tiên, đó là con mắt. Sức hấp dẫn của tranh phụ thuộc vào chính hình thức của nó. Do vậy, nếu hội họa chỉ dừng lại ở yêu cầu mô tả, tái hiện, diễn đạt, biểu cảm... không thôi vẫn chưa đủ, mà nó còn phải quan tâm đến sự làm đẹp. Lọt qua đôi mắt thì coi như thành công, bởi từ đây mà tiến vào lòng người cũng không xa. Nhưng làm sao để tăng được cái đẹp? để có sức hấp dẫn hơn? Để có thể truyền

cảm mạnh mẽ hơn?... Các họa sĩ đã sử dụng nhiều yếu tố trong đó có yếu tố trang trí.

Những cách thể hiện yếu tố trang trí trong tranh:

Khai thác, sử dụng họa tiết:

Một trong những thành phần quan trọng trong trang trí là họa tiết. Dù là cỏ cây, hoa lá, chim muông, côn trùng hay con người khi đưa vào trang trí đều trở thành họa tiết được cách điệu và khái quát hóa. Từ cổ xưa cho đến ngày nay, các nghệ sĩ của mọi dân tộc khi trang trí những công trình kiến trúc to lớn, phức tạp như lâu đài, cung điện, nhà thờ, chùa, đình, cho đến những vật dụng hàng ngày như khăn trải bàn, thảm trải nhà, quần áo, bát đĩa, cốc chén, các đồ gốm sứ thông dụng khác... đều chú ý đến việc dùng các họa tiết trang trí làm tăng vẻ hấp dẫn. Do vậy khi bắt gặp những họa tiết này ở trên tranh thường khiến ta liên tưởng đến nghệ thuật trang trí. Nhiều tác phẩm làm theo cách này đã đạt hiệu quả và được các họa sĩ vẽ những thể loại tranh khác nhau sử dụng. Lấy cái sẵn có, vốn bản thân nó là trang trí để đưa vào thì dường như hình thức tranh cũng trở nên hấp dẫn hơn.



Sóng ngoài khơi Kanagawa. Tranh của Hokusai

Những tác phẩm của Klimt như “Ba thời kỳ”, “Chân dung thiếu phụ”, ông đã khai thác tính làm đẹp trên bề mặt, kết hợp cách diễn tả khối với những họa tiết trang trí, nhờ vậy tạo

được cảm giác hư ảo, thơ mộng rất ấn tượng. Trong sự nghiệp sáng tạo của mình, Picasso đã không ít lần vẽ những tác phẩm mà trong đó họa tiết trang trí được thể hiện rất sinh động thông qua sự hiện diện của một số đồ vật hay vật dụng nào đó. Điều này thể hiện rõ trong tác phẩm “Chân dung Onga ngồi trong ghế bành”. Nhân vật được vờn khối cẩn thận theo phong cách cổ điển, nhưng tấm vải thêu hoa phủ lên ghế ngồi như căng trên tường theo kỹ thuật dán. Nền tranh vẽ đơn giản như mảng trung gian dung hòa hình thức tả khối ở nhân vật Onga với những họa tiết hoa lá uyển chuyển trên tấm vải. Chính nhờ mảng họa tiết trang trí này mà nhân vật trong tranh toát lên được vẻ đẹp sang trọng đáng kính. Ở Việt Nam, việc đưa vào tranh những chi tiết vốn nó là trang trí như trang phục các dân tộc, trang trí ở vì kèo, đầu đao của đình chùa hay lọng, kiệu... cũng được rất nhiều họa sĩ vẽ chất liệu sơn mài, lụa, hay sơn khắc khai thác và thể hiện.



***Chân dung Onga. Tranh của Picasso
Trần Lưu Hậu***



Đồng bào Mèo thêu. Tranh của

Cách điệu hình thể:

Cách điệu hình thể là dựa trên cơ sở thực tế của hiện thực, họa sĩ chắt lọc, giữ lại đường nét, hình thể đặc trưng nhất, đồng thời sắp xếp lại, thay đổi, thêm bớt chi tiết, cường điệu, lạ hóa nhưng không mất đi tính đặc thù.